

Số: 01/2026/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số
87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

*Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;*

*Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành
một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số
11/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho
tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và
Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật thiết lập
hành lang bảo vệ bờ biển;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi,
bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý, bảo vệ
hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo vệ
hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý có hành lang bảo vệ bờ biển; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và TV UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị;
- Lưu: VT, NNMT (V.Thường).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý có hành lang bảo vệ bờ biển; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Lâm Đồng là dải đất ven biển được thiết lập tại 54 khu vực; có ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Lâm Đồng được phê duyệt tại Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) về việc phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh và được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; được thể hiện tại Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Lâm Đồng tỷ lệ 1/10.000.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Lâm Đồng được dùng để xác định ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển trên thực địa. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được sửa đổi, bổ sung tại Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông

nghiệp và Môi trường) quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 4. Điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển

Điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại Điều 35a Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

Điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 6. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Khai thác khoáng sản, trừ trường hợp đặc biệt được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.
2. Xây dựng mới, mở rộng công trình xây dựng, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa và các công trình xây dựng khác phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.
3. Xây dựng mới nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải.
4. Khoan, đào, đắp trong hành lang bảo vệ bờ biển, trừ hoạt động quy định tại Điều 25 của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
5. Lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ bờ biển.
6. Hoạt động làm sạt lở bờ biển, suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

Điều 7. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Việc khai thác nước dưới đất chỉ được tiến hành trong trường hợp khẩn cấp phục vụ phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, khắc phục sự cố môi trường hoặc

khai thác nước dưới đất phục vụ các mục đích khác khi không có nguồn nước nào khác để khai thác.

2. Việc khai hoang, lấn biển, thăm dò khoáng sản, dầu khí chỉ được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Việc cải tạo công trình đã xây dựng chỉ được thực hiện nếu không làm thay đổi mục đích sử dụng, quy mô, kết cấu, độ sâu, chiều cao của công trình đã xây dựng hoặc việc cải tạo công trình đã xây dựng có tác động tốt hơn đối với việc duy trì, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

4. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ làm suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên chỉ được tiến hành khi đã có giải pháp bảo đảm không làm ảnh hưởng đến yêu cầu, mục tiêu của việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

5. Ngoài các điều kiện hạn chế quy định nêu trên, các hoạt động quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 4 Điều này chỉ được phép thực hiện sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Quản lý ranh giới và mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển đã được phê duyệt, hiệu chỉnh để quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển ngoài thực địa được quản lý, bảo vệ theo quy định. Trường hợp chưa cắm mốc giới hoặc mốc giới bị di chuyển, hư hại, mất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sử dụng bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển đã được phê duyệt, hiệu chỉnh để tổ chức quản lý cho đến khi mốc giới được cắm, thay thế hoặc khôi phục theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thiết lập, điều chỉnh, công bố, quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

b) Tham mưu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động khoáng sản trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật.

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động khai hoang, lấn biển trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật.

d) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh.

đ) Tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

e) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu và định kỳ hàng năm tình hình quản lý, tổ chức thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh; kịp thời báo cáo những vấn đề phát sinh để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý có hành lang bảo vệ bờ biển

1. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên chưa khai thác, sử dụng trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia xây dựng và phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

4. Quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

5. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

6. Niêm yết công khai Bản đồ thể hiện ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tại trụ sở ủy ban nhân dân và tại khu vực hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập.

7. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu và định kỳ hàng năm báo cáo về công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương mình gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 05 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp.

Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển tuân thủ các quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Quy định này; phối hợp trong cung cấp thông tin, xử lý, quản lý hành lang bảo vệ bờ biển.

Chương IV**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý ven biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp triển khai thực hiện Quy định này; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý ven biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

